

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **127/2026/DSST**
Ngày 21/5/2026
V/v “*Kiện đòi tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Chung và bà Đặng Thị Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Quỳnh Nga - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Diệu Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2026 tại trụ sở Cơ sở 1, Toà án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 12 năm 2025 về “*Kiện đòi tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Vũ Thị O**, sinh năm 1968; Số CCCD 008168000582. Địa chỉ: Thôn I, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Bị đơn:* Anh **Vũ Trọng H**, sinh năm 1984; Số CCCD 008084006762. Địa chỉ: Thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị **Đặng Thùy L**, sinh năm 1991; Số CCCD 008191004654. Địa chỉ: Thôn I, xã Y, tỉnh Tuyên Quang.

(*Bà O có mặt, anh H vắng mặt không có lý do, chị L vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Vũ Thị O trình bày:

Ngày 15/4/2013, bà cho vợ chồng anh Vũ Trọng H và chị Đặng Thùy L (là con gái và con rể bà) vay “02 cây một vàng 999” (02 cây và 01 chỉ vàng nhẫn tròn tron 999, vàng ba số 9) và 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N, vay không tính lãi suất (số vàng trên bà mua tại cửa hàng vàng bạc Tuấn A, thành phố T cũ. Nay là phường M, tỉnh Tuyên Quang). Khi vay hai bên

có thỏa thuận khi nào bà cần thì báo trước một tháng cho anh H và chị L, anh H chị L sẽ trả đầy đủ số vàng và tiền đã vay cho bà. Khi vay có viết giấy vay vàng và tiền có cả 3 người đều ký. Đến nay đã được 13 năm, bà đã nhiều lần nhắc anh H thu xếp để trả cho bà nhưng anh H bảo chưa có, chưa trả được. Đến năm 2015 anh H phải đi cải tạo tại Trại giam Q, bà có vào thăm nhiều lần và động viên anh H cố gắng cải tạo để về làm ăn rồi trả nợ cho bà. Nay anh H đã chấp hành án xong, bà cũng đã nhắc anh H trả nợ nhưng anh H vẫn chây ì không trả, thậm chí anh H còn có thái độ thách thức bà trên tin nhắn Zalo “ *viết đơn lên Tòa ý*”.

Nay bà khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Vũ Trọng H phải trả cho bà $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N. Đối với $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay còn lại là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N thuộc về nghĩa vụ của chị L phải trả nợ, bà xác định anh H và chị L cùng vay thì cả hai anh chị đều phải có trách nhiệm trả nợ cho bà nhưng nay giữa anh H và chị L đã ly hôn, vì chị L là con gái bà nên bà chưa đòi, bà chưa yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần nghĩa vụ của chị L.

Bị đơn anh Vũ Trọng H đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc bổ sung người tham gia tố tụng, hết thời hạn pháp luật quy định nhưng anh H không có văn bản trả lời cho Tòa án; Tòa án tổng đạt thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải 03 lần nhưng anh H không có mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thùy L có đơn xin xét xử vắng mặt. Quá trình giải quyết vụ án, chị L trình bày: Ngày 15/4/2013, chị và anh Vũ Trọng H (chồng cũ - đã ly hôn) có vay của bà Vũ Thị O (mẹ đẻ chị) “02 cây một vàng 999” (02 cây và 01 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999) và 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N để mua xe ô tô bốn chân chạy quặng cho công ty T, vay tại nhà bà O. Khi vay có viết giấy vay vàng và tiền. Chị và anh H hẹn khi nào bà O cần thì báo trước một tháng cho chị và anh H. Khi bà O cần đã thông báo cho chị và anh H để thu xếp trả số vàng nhẫn và tiền mặt đã vay nhưng anh H cố tình chây ì không trả lại số vàng và tiền đã vay cho bà O. Nay bà O khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh H trả lại $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N chị nhất trí, đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay còn lại là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N thuộc về nghĩa vụ chị trả nợ nhưng bà O chưa yêu cầu chị phải trả.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Vũ Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc anh Vũ Trọng H phải trả $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N. Bà không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 20/5/2026 Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang đã tiến hành xác minh giá vàng 999 tại các cửa hàng kinh doanh vàng bạc trên địa bàn thành phố T cũ, nay thuộc phường M, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

Tại cửa hàng V: địa chỉ C, đường A, tổ dân phố P, phường M, tỉnh Tuyên Quang: Giá vàng nhẫn tròn trơn 999 (vàng ba số 9) bán ra 14.900.000đ/01 chỉ, mua vào là 14.650.000đ/01 chỉ.

Tại cửa hàng V1: địa chỉ A đường Q, tổ dân phố T, phường M, tỉnh Tuyên Quang: Giá vàng nhẫn tròn trơn 999 (vàng ba số 9) bán ra 14.900.000đ/01 chỉ, mua vào là 14.650.000đ/01 chỉ.

Tại cửa hàng V2: địa chỉ số nhà A, đường P, tổ dân phố T, phường M, tỉnh Tuyên Quang: Giá vàng nhẫn tròn trơn 999 (vàng ba số 9) bán ra 14.900.000đ/01 chỉ, mua vào là 14.650.000đ/01 chỉ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc “*Kiến đòi tài sản*” là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ và nội dung tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2015/QH15 ngày 25/6/2015 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Vũ Trọng H có nghĩa vụ phải trả cho bà Vũ Thị O $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo bản án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Vũ Thị O khởi kiện “Kiện đòi tài sản” đối với bị đơn anh Vũ Trọng H. Do vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp xác định là: “Kiện đòi tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Vũ Trọng H có nơi cư trú tại thôn T, xã Y, tỉnh Tuyên Quang. Vì vậy, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật số 85/2015/QH15 ngày 25/6/2015 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Xét khoản vay không xác định thời hạn trả, khi nguyên đơn yêu cầu mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thì quyền khởi kiện phát sinh. Vì vậy, việc nguyên đơn khởi kiện là thời hiệu theo quy định pháp luật.

[1.3] Bị đơn anh Vũ Trọng H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thùy L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 15/4/2013, bà Vũ Thị O có cho anh Vũ Trọng H và chị Đặng Thùy L vay “02 cây 01 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999, vàng ba số 9” và 120.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N. Khi vay hai bên có thỏa thuận khi nào bà O yêu cầu thì anh H, chị L phải trả. Giấy vay tiền có chữ ký của anh H và chị L, quá trình giải quyết vụ án được chị L thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền và vàng ngày 15/4/2013 là chữ ký của anh H. Tuy nhiên, từ thời điểm vay (2013) đến nay đã nhiều năm, bà O đã nhiều lần yêu cầu nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Xét thấy, anh H đã nhận vàng và tiền của bà O nhưng không trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định của Bộ luật Dân sự. Nay bà O yêu cầu anh H phải trả $\frac{1}{2}$ số vàng và tiền đã vay là “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999, vàng ba số 9” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N là có căn cứ cần được chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh giá vàng nhẫn tròn trơn 999 (vàng ba số 9) tại 03 cửa hàng kinh doanh vàng bạc thời điểm xét xử sơ thẩm đều có giá bán ra là 14.900.000đ/01 chỉ. Như vậy 01 cây vàng 999 (tương ứng 10 chỉ vàng 999) và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn có giá quy đổi thành tiền Việt Nam đồng tương ứng là 156.450.000đ (*Một trăm năm mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng*), Hội đồng xét xử thấy cần quy đổi giá trị số vàng trên thành tiền Việt Nam

đồng để làm căn cứ buộc anh Vũ Trọng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

[3] Về lãi suất: Bà O không yêu cầu tính lãi, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về ý kiến phát biểu của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ, phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của bà O được chấp nhận nên anh Vũ Trọng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 235, 264, 266, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật số 85/2015/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ: các Điều 463, 466; 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị O đối với anh Vũ Trọng H về việc *K đòi tài sản*.

Xử buộc anh Vũ Trọng H có nghĩa vụ phải trả cho bà Vũ Thị O “01 cây và 0,5 chỉ vàng nhẫn tròn trơn 999, vàng ba số 9” và 60.000.000 đồng (*Sáu mươi triệu đồng*) tiền Ngân hàng N.

2. Về án phí:

- Anh Vũ Trọng H phải chịu 10.822.500đ (*Mười triệu, tám trăm hai mươi hai nghìn, năm trăm đồng*).

- Bà Vũ Thị O không phải chịu án phí. Hoàn trả cho bà Vũ Thị O số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.175.000 đồng (*Năm triệu, một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E số 0001793 ngày 18/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Khoản tiền phải trả kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự cho đến khi thi hành xong.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/5/2026); bị đơn và người có

quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV1 - Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu TA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hồ Thanh Sơn